

Bản án số: 61/2023/DS-ST
Ngày: 26/7/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
cấp thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hữu

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sanh

Ông Nguyễn Xuân Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 26.7.2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2023/TLST- DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-DS ngày 29/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B.** Địa chỉ: Tòa nhà H - 412 Nguyễn Thị M, phường N, quận T, TP H. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Quang T. Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý và Thu hồi nợ theo giấy ủy quyền số 239/2021/UQ-PCTT ngày 01/6/2021. Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Trần Văn H, điện thoại: 0905 010 18L; ông Nguyễn Văn T, điện thoại 0799 631 19K, cùng địa chỉ: 267-269 Nguyễn V, phường Vquận T, Tp Đà Nẵng. Ông T có mặt.

Bị đơn: **Ông Lê Hoàng Đ**, sinh năm 1958. Hộ khẩu thường trú: Tổ 11B, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: 21 N, phường H Bắc, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 04/11/2019 và 17/6/2021, ông Lê Hoàng Đ có ký với Ngân Hàng TMCP B (viết tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng và đồng ý việc sử dụng thẻ sẽ tuân theo Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B. Căn cứ vào thu nhập kinh doanh của ông Lê Hoàng Đ, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với tổng hạn mức là 200.000.000 đồng bao gồm 01 thẻ Visa platinum hạn mức là 100.000.000 đồng và 01 thẻ JCB platinum hạn mức là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ đã thực hiện giao dịch như sau:

- Đối với thẻ JCB Platinum - STK: 90113421003

Ông Đ đã thực hiện 07 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 28.514.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 14 giao dịch với tổng số tiền là: 9.649.094 đồng (thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B). Số dư nợ gốc ông Đ còn phải trả là 21.699.507 đồng.

- Đối với thẻ Visa Platinum - STK: 90113421001

Ông Đ đã thực hiện 14 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 161.685.212 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 34 giao dịch với tổng số tiền là: 154.762.161 đồng (thứ tự thanh toán thẻ căn cứ theo Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B). Số dư nợ gốc ông Đ còn phải trả là 77.506.018 đồng.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B) bắt đầu giai đoạn quá hạn từ 11/11/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông Đ vay theo hình thức thẻ tín dụng, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 29.5%/năm, thay đổi theo từng thời kỳ, phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán (tối thiểu 100.000 đồng) và lãi suất quá hạn áp dụng là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại (tương ứng 44.25%/năm) khi vi phạm hợp đồng theo điểm g khoản 2 Điều 13 của Điều khoản & Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của B.

Thông kê tổng hai thẻ, ông Đ đã giao dịch mua hàng trong 21 lần, số tiền tổng cộng nợ gốc ông Đ đã vay thẻ hiện qua các giao dịch các lần là: 190.199.212 đồng.

Quá trình vay, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ gốc, lãi và phí là: 71.497.000 đồng (Chi tiết theo bảng sao kê giao dịch đính kèm)

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông Đ vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B nên Ngân hàng buộc ông Đ phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Lê Hoàng Đ phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 02/01/2023 số tiền là: 109.773.324 đồng (*Một trăm lẻ chín triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng*), trong đó:

- Thẻ tín dụng số 90113421003 theo Giấy đề nghị phát hành thêm thẻ tín dụng ngày 17/06/2021:

+ Nợ gốc : 21.699.507 đồng;

+ Lãi trong hạn : 1.194.567 đồng;

+ Lãi quá hạn : 1.394.268 đồng;

+ Tổng cộng : 24.288.342 đồng.

- Thẻ tín dụng số 90113421001 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 04/11/2019:

+ Nợ gốc : 77.506.018 đồng;

+ Lãi trong hạn : 3.864.808 đồng;

+ Lãi quá hạn : 4.980.027 đồng;

+ Tổng cộng : 86.350.853 đồng.

Buộc ông Lê Hoàng Đ tiếp tục có trách nhiệm thanh toán các khoản lãi chậm trả quá hạn phát sinh kể từ ngày 03/01/2023 cho đến khi trả dứt điểm khoản tiền nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP B.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 26/07/2023 thì số tiền nợ gốc, lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Đ phải thanh toán có thay đổi, cụ thể như sau:

- Thẻ tín dụng số 90113421003 theo Giấy đề nghị phát hành thêm thẻ tín dụng ngày 17/06/2021:

+ Nợ gốc : 21.699.507 đồng;

+ Lãi trong hạn : 1.194.567 đồng;

+ Lãi quá hạn : 6.787.190 đồng;

+ Tổng cộng : 29.681.264 đồng.

- Thẻ tín dụng số 90113421001 theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 04/11/2019:

+ Nợ gốc : 77.506.018 đồng;

- + Lãi trong hạn : 3.864.808 đồng;
- + Lãi quá hạn : 24.242.396 đồng;
- + Tổng cộng : 105.613.222 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Đức phải thanh toán là: 135.294.486 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng*)(Chi tiết theo bảng tính lãi đính kèm).

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng TMCP B kính đề nghị Tòa án buộc ông Lê Hoàng Đ phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 26/07/2023 là: 135.294.486 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng*) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 27/07/2023 cho đến khi trả hết nợ theo qui định của Ngân hàng TMCP B .

** Tại bản trình bày ngày 14.6.2023, ông Lê Hoàng Đ trình bày:*

Ông hoàn toàn thống nhất với khởi kiện của ngân hàng, tuy nhiên hiện nay ông thường xuyên đi làm ăn xa không có ở địa phương nên đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xử vắng mặt là đã hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng 135.294.486 đồng tính đến ngày 27.7.2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng thế tín dụng ngày 04/11/2019 và 17/6/2021. Bị đơn có địa chỉ tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1]: Theo thỏa thuận hợp đồng thẻ tín dụng JCB Platinum và hợp đồng thẻ JCB Platinum, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông Lê Hoàng Đ bao gồm 01 thẻ Visa platinum hạn mức là 100.000.000 đồng và 01 thẻ JCB platinum hạn mức là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Ông Đ vay theo hình thức thẻ tín dụng, lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 29.5%/năm, thay đổi theo từng thời kỳ, phí chậm thanh toán là 6% số tiền chậm thanh toán cộng dồn tất cả các kỳ chưa thanh toán (tối thiểu 100.000 đồng) và lãi suất quá hạn áp dụng là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại (tương ứng 44.25%/năm) khi vi phạm hợp đồng theo điểm g khoản 2 Điều 13 của Điều khoản & Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ, ông Đ đã giao dịch mua hàng 21 lần, số tiền ông Đ đã vay thể hiện qua các giao dịch là: 190.199.212 đồng, cụ thể:

Đối với thẻ JCB Platinum - STK: 90113421003: Ông Đ đã thực hiện 07 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 28.514.000 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng 9.649.094 đồng. Số dư nợ gốc ông Đ còn phải trả là 21.699.507 đồng.

- Đối với thẻ Visa Platinum - STK: 90113421001: Ông Đ đã thực hiện 14 giao dịch mua hàng với tổng số tiền là: 161.685.212 đồng, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng 154.762.161 đồng. Số dư nợ gốc ông Đ còn phải trả là 77.506.018 đồng.

Ngân hàng đã chuyển dư nợ quá hạn từ 11/11/2022 và chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông Lê Hoàng Đ .

Tính đến ngày 26/07/2023 số tiền nợ gốc, lãi mà Ngân hàng yêu cầu ông Đ phải thanh toán đối với thẻ tín dụng số 90113421003 theo Giấy đề nghị phát hành thêm thẻ tín dụng ngày 17/06/2021 nợ gốc : 21.699.507 đồng; Lãi trong hạn: 1.194.567 đồng; Lãi quá hạn: 6.787.190 đồng. Tổng cộng: 29.681.264 đồng.

Đối với thẻ tín dụng số 90113421001 theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 04/11/2019: Nợ gốc: 77.506.018 đồng; Lãi trong hạn: 3.864.808 đồng. Lãi quá hạn: 24.242.396 đồng. Tổng cộng: 105.613.222 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi ông Đ phải thanh toán là: 135.294.486 đồng.

[2.2] Xét thấy: Ông Lê Hoàng Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP B , do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Hoàng Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền 135.294.486 đồng (*Một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng*) theo hợp đồng thẻ tín dụng số 90113421003 ngày 17/06/2021 là 29.681.264 đồng trong đó nợ gốc : 21.699.507 đồng; Lãi trong hạn: 1.194.567 đồng; Lãi quá hạn: 6.787.190 đồng. Đối với thẻ tín dụng số 90113421001 ngày 04/11/2019: Nợ gốc: 77.506.018 đồng; Lãi trong hạn: 3.864.808 đồng. Lãi quá hạn: 24.242.396 đồng. Tổng cộng: 105.613.222 đồng.

Kể từ ngày 27/07/2023, ông Lê Hoàng Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng 90113421001, 90113421003 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[3] Về án phí :

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP B theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng cấp thẻ tín dụng” của Ngân hàng TMCP B đối với ông Lê Hoàng Đ.

Tuyên xử :

1. Buộc ông Lê Hoàng Đ phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26.7.2023 là 135.294.486 (*Một trăm ba mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm tám mươi sáu*) đồng theo hợp đồng thẻ tín dụng số 90113421003 ngày 17/06/2021 là 29.681.264 đồng trong đó nợ gốc: 21.699.507 đồng, lãi trong hạn: 1.194.567 đồng, lãi quá hạn: 6.787.190 đồng; thẻ tín dụng số 90113421001 ngày 04/11/2019 là 105.613.222 đồng trong đó nợ gốc: 77.506.018 đồng, lãi trong hạn: 3.864.808 đồng, lãi quá hạn: 24.242.396 đồng.

Kể từ ngày 27.7.2023, ông Lê Hoàng Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP B khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng số 90113421001, 90113421003 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí:

Ông Lê Hoàng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.764.724 (*Sáu triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm hai mươi bốn*) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 2.744.333 đồng (bằng chữ: *Hai triệu bảy trăm bốn bốn nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*) theo biên lai thu số 0007268 ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

